



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

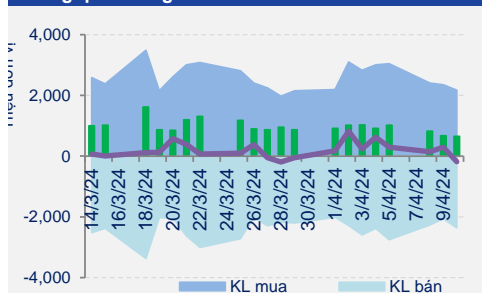
10/4/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

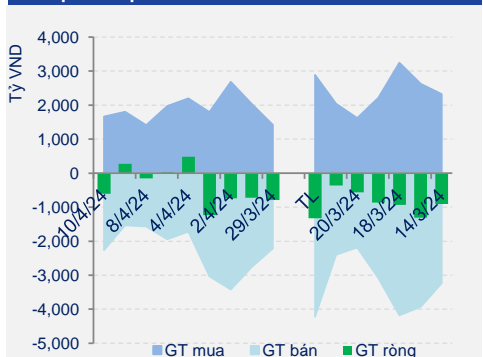
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,258.56	238.79
% Thay đổi	↓ -0.34%	↓ -0.65%
KLGD (CP)	655,773,243	66,000,598
GTGD (tỷ đồng)	16,815.00	1,414.85
Tổng cung (CP)	2,361,134,296	125,393,200
Tổng cầu (CP)	2,174,562,803	92,540,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	72,700,742	1,371,250
KL mua (CP)	50,992,064	1,040,636
GT mua (tỷ đồng)	1,659.82	38.97
GT bán (tỷ đồng)	2,267.29	37.95
GT ròng (tỷ đồng)	(607.47)	1.02

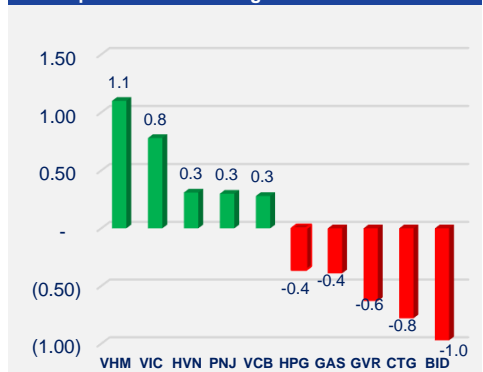
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên phục hồi ở vùng hỗ trợ 1.250 điểm với thanh khoản suy giảm, VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục tăng điểm kiểm tra lại vùng giá 1.270 điểm tương ứng giá trung bình MA20 phiên, thanh khoản tiếp tục suy giảm khi phục hồi dẫn đến áp lực điều chỉnh. Kết phiên VN-INDEX giảm 4,26 điểm (-0,34%) về mức 1.258,56 điểm, tiếp tục kiểm tra lại vùng đỉnh giá năm 2023 tương ứng 1.245 điểm -1.255 điểm. VN30 kiểm tra lại vùng giá cao nhất tháng 08/2023 tương ứng quanh 1.260 điểm. HNX-INDEX giảm -1,57 điểm (-0,65%) về mức 238,79 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch nghiêng về tiêu cực với 299 mã giảm giá (04 mã giảm sàn), 168 mã tăng giá (11 mã tăng trần) và 132 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết tiếp tục suy giảm phiên thứ tư liên tiếp khi chỉ có 18.221,22 tỷ đồng, giảm 2,8% so với phiên trước dưới mức trung bình. Cho thấy dòng tiền ngắn hạn đang suy yếu, các mã phục hồi đa số thanh khoản kém, áp lực bán với thanh khoản gia tăng kém tích cực hơn. Khối ngoại gia tăng giao dịch, bán ròng mạnh trong phiên hôm nay với giá trị 607,47 tỷ đồng, tập trung nhiều ở các mã bất động sản như NVL, VHM, DXG... mua ròng nhẹ trên HNX với giá trị 1,02 tỷ đồng.

Theo văn phòng Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) dự báo, nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức 6% trong năm nay, cao hơn đáng kể mức 5,1% của năm ngoái nhờ nhu cầu bên ngoài được cải thiện, nhu cầu trong nước phục hồi và dòng vốn FDI mạnh mẽ. Tuy nhiên, bên cạnh rủi ro từ nước ngoài như trên, Việt Nam còn đối mặt với những vấn đề trong lĩnh vực tài chính, chủ yếu phát sinh từ sự suy giảm chất lượng tài sản. Tỷ lệ nợ xấu, đặc biệt là ở các doanh nghiệp bán lẻ, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và các khoản vay liên quan đến bất động sản, đã tăng lên do điều kiện kinh tế yếu kém và thị trường nhà ở trì trệ. Chính sách hoãn trả nợ có thể che giấu chất lượng tín dụng cơ bản yếu hơn.

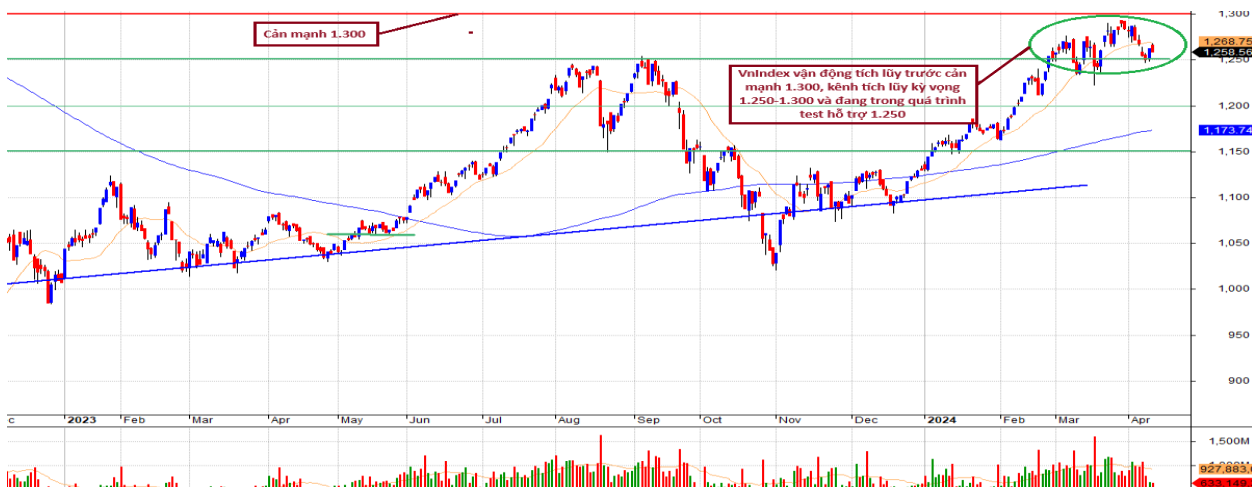
Với áp lực điều chỉnh khi phục hồi kiểm tra đường giá trung bình MA20 phiên thì đa số thị trường chịu áp lực điều chỉnh như trong nhóm cổ phiếu VN30, ngoài các mã có diễn biến khá tích cực sau giai đoạn kéo dài điều chỉnh tích lũy như VHM (+2,31%), VIC (+1,68%)... thì đa số chịu áp lực điều chỉnh. Các mã nhóm ngân hàng sau phiên phục hồi tốt đa số điều chỉnh với thanh khoản suy giảm, dưới mức trung bình với CTG (-1,75%), TPB (-1,34%), BID (-1,33%), MBB (-0,82%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán sau khi phục hồi phiên trước, hầu hết cũng chịu áp lực điều chỉnh giảm điểm, thanh khoản dưới mức trung bình như SBS (-2,67%), VDS (-2,29%), VIX (-2,29%), ORS (-2,13%)... ngoại trừ CSI (+3,11%) tăng giá. Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng có diễn biến tương tự ngoại trừ D2D (+1,40%), ITA (+0,53%) thì hầu hết chịu áp lực điều chỉnh trở lại, thanh khoản suy giảm khá mạnh, dưới mức trung bình như LHG (-2,23%), KBC (-2,08%), GVR (-2,01%)....

Nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến phân hóa tích cực hơn với AGG (+3,08%), CRE (+2,77%), VHM (+2,31%), NHA (-1,10%)... bên cạnh các mã chịu áp lực giảm điểm như VPH (-2,17%), DIG (-1,97%). NVL (-1,93%), PDR (-1,86%)... Trong khi đó các cổ phiếu dầu khí sau diễn biến khá tích cực đã chịu áp lực bán khá mạnh trong phiên hôm nay, với thanh khoản gia tăng khá đột biến ở nhiều mã như POS (-8,99%), PSH (-7,00%), PVD (-4,22%), PVC (-3,66%)... ngoài VTO (+0,92%).

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2404 giảm 4,1 điểm (-0,32%), chênh lệch âm gia tăng lên -3,72 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng khá mạnh 19,90% so với phiên trước, ở mức trung bình, cho thấy áp lực bán phòng ngừa rủi ro tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đang phục hồi kiểm kháng cự quanh 1.270 điểm, giá trung bình MA20 phiên, hỗ trợ quanh 1240 điểm, vùng giá thấp đầu tháng 3/2024. Các kỳ hạn VN30F2405, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch gia tăng từ 1,78 điểm đến -2,28 điểm so với VN30. Cho thấy các trader đang nghiêng về VN30 sẽ biến động hẹp, tích lũy chưa xác nhận xu hướng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường điều chỉnh sau phiên hồi phục khi VnIndex test hỗ trợ 1.250 điểm nhưng vận động vẫn trong nền tích lũy đang hình thành khi VnIndex chưa thủng hỗ trợ 1.250 điểm, chốt phiên Vn-Index giảm -4,26 điểm (-0,34%) và đóng cửa ở 1.258,56 điểm. Nền tích lũy hiện tại đang hình thành đã đủ cơ sở để thị trường có thể hình thành nhịp tăng tiếp theo và hướng tới vượt cản 1.300 điểm nhưng ngưỡng cản này như chúng tôi đánh giá là cản mạnh nên quá trình vận động đi ngang, rung lắc và rũ bỏ vẫn có thể tiếp tục diễn ra. Với trạng thái hiện tại nếu Vn-Index test hỗ trợ 1.250 điểm thành công thì hoàn toàn có thể bùng nổ hướng tới và vượt 1.300 điểm nhưng cũng có thể thị trường sẽ tiếp tục kéo dài quá trình tích lũy và tiếp tục chặt chẽ thêm. Trong trường hợp Vn-Index thủng hỗ trợ 1.250 điểm trong các phiên tới thì rủi ro ngắn hạn sẽ tăng lên bởi Vn-Index có nguy cơ bước vào nhịp giảm ngắn hạn với hỗ trợ sâu hơn quanh 1.150 điểm.

Về trung hạn chúng tôi cho rằng thị trường đang tích lũy trong kênh 1.250 điểm - 1.300 điểm chuẩn bị cho nhịp tăng vượt cản 1.300 điểm để hình thành uptrend nhưng kênh tích lũy có thể còn kéo dài, trong tình huống xấu hơn Vn-Index thủng hỗ trợ 1.250 điểm để trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Vn-Index đang trong vận động test lại hỗ trợ 1.250 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn có thể giải ngân trong các phiên tiếp theo nếu thị trường có tín hiệu tăng điểm trở lại tuy nhiên trong trường hợp tiêu cực VnIndex không giữ được mốc 1.250 trong các phiên tới thì rủi ro thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn tăng lên, trong trường hợp đó nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục kiên nhẫn chờ đợi vận động điều chỉnh. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nửa trên của kênh tích lũy và đã trải qua nhiều nhịp rung lắc, tuy nhiên Vn-Index sớm tiệm cận cản mạnh 1.300 điểm và tiếp tục quá trình tích lũy, nhà đầu tư trung hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì hiện tại danh mục đã ổn định, trong trường hợp cần giải ngân thêm vẫn có thể tiến hành nhưng trên quan điểm kiên nhẫn chờ đợi quá trình tích lũy ổn định hơn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

10/4/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
BWE	42.95	42.5-43.5	50-52	40	12.3	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
IDC	57.50	54-55	66-68	52	13.6	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
GVR	31.65	29.5-30.5	35-36	28	49.0	-15.8%	27.7%	Theo dõi giải ngân
DPR	40.00	36.5-37.5	43-44	35	16.8	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
LHG	35.00	32.5-34	38-39	31	10.5	40.3%	102.4%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.40	14.3-14.6	18-18.6	13.5	7.4	-18.7%	91.6%	Theo dõi giải ngân
DTD	28.00	26-27	30-31	25	6.5	-11.6%	117.0%	Theo dõi giải ngân
SIP	81.30	76-77	84-85	73	15.5	32.8%	40.2%	Theo dõi giải ngân
EVF	15.10	13.7-14.2	16-16.5	13	20.2	29.1%	-56.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
20/12/2023	PVD	31.80	27.55	37-39	32	15.4%	Bán
27/12/2023	TNH	22.00	18.09	23-24	21	21.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Tháng 3, đấu thầu Trái phiếu Chính phủ trên HNX tăng 15,55% so với tháng trước

Tính đến hết tháng 3/2024, Kho bạc Nhà nước đã huy động được 80.229 tỷ đồng, đạt 20,06% kế hoạch phát hành của năm 2024. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa cho biết hoạt động đấu thầu Trái phiếu Chính phủ tại HNX trong tháng 3/2024 tiếp tục diễn ra sôi động. Theo đó, tổng giá trị phát hành thành công đạt 32.550 tỷ đồng, tăng 15,55% so với tháng trước. Toàn bộ trái phiếu do Kho bạc nhà nước phát hành thông qua 18 đợt đấu thầu, tỷ lệ đấu thầu thành công đạt 65,1%. Tính đến hết tháng 3/2024, Kho bạc Nhà nước đã huy động được 80.229 tỷ đồng, đạt 20,06% kế hoạch phát hành của năm 2024.

Nền kinh tế ASEAN dự kiến tăng trưởng 4,8%

Nền kinh tế ASEAN dự kiến tăng trưởng 4,8% trong năm nay, trong đó Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng đứng thứ 3 ở khu vực. Đây là dự báo trong Báo cáo Triển vọng Kinh tế Khu vực ASEAN+3 năm 2024 vừa được Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) công bố tại Singapore. Bên cạnh những dự báo phục hồi, bản báo cáo này cũng chỉ ra nguy cơ đối mặt đối với tăng trưởng của khu vực. AMRO dự báo khu vực ASEAN+3 bao gồm 10 nước ASEAN và Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản sẽ tăng trưởng ở mức 4,5% trong năm nay, tăng nhẹ từ mức 4,3% với năm 2023. Việt Nam được dự báo tăng trưởng 6% trong năm nay, đứng thứ 3 ở khu vực ASEAN sau Campuchia và Philippines.

Tạo môi trường thuận lợi thu hút FDI vào nông nghiệp

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt mục tiêu đến năm 2030, vốn FDI đăng ký trong lĩnh vực nông nghiệp đạt 25 tỷ USD. Trong đó, tập trung vào các dự án đầu tư có hàm lượng khoa học công nghệ cao, thân thiện với môi trường; các ngành hàng nông sản Việt Nam có thế mạnh... Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tạo việc làm cho nông dân, hiện đại hóa nông nghiệp, góp phần tích cực trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam.

Tín hiệu phục hồi cho xuất khẩu tôm

Ngành tôm có những dấu hiệu tích cực trong những tháng đầu năm khi xuất khẩu tăng hơn 15% và giá nguyên liệu cũng đang phục hồi. Tuy nhiên, việc Mỹ áp thuế chống trợ cấp đang đặt ra những thách thức đối với ngành này. Xuất khẩu trong quý I có những tín hiệu tích cực khi tăng trưởng 15% so với cùng kỳ năm ngoái lên 691 triệu USD, theo số liệu từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP). Trong đó riêng xuất khẩu tôm sang Trung Quốc tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ và Mỹ cũng ghi nhận mức tăng 15%. Đây được xem là hai thị trường tiêu thụ lớn nhất và có sức hút lớn đối với ngành tôm Việt Nam trong quý I.

TIN DOANH NGHIỆP
Sonadezi Châu Đức (SZC) chốt quyền chia cổ tức 10% bằng tiền

Ngày 25/4 tới đây, CTCP Sonadezi Châu Đức (SZC – sàn HOSE) sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.000 đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 24/4, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 26//2024. Mới đây, Sonadezi Châu Đức đăng ký chào bán xấp xỉ 60 triệu cổ phiếu và đã phân phối gần 58,45 triệu cổ phiếu, số cổ phiếu chưa phân phối hết là hơn 1,55 triệu cổ phiếu, Công ty sẽ tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá bán 20.000 đồng/CP và sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm.

"Những công ty nào làm ô tô, đặc biệt liên quan đến thiết kế ô tô là FPT đều muốn mua sạch"

Đó là chia sẻ của ông Trương Gia Bình - Chủ tịch HĐQT CTCP FPT (HOSE: FPT) về kế hoạch thực hiện M&A của Tập đoàn tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 diễn ra chiều 10/04 tại Hà Nội. Bước sang năm 2024, FPT đặt kế hoạch doanh thu 61,850 tỷ đồng (~2.5 tỷ USD) và lợi nhuận trước thuế 10,875 tỷ, đồng loạt tăng khoảng 18% so với kết quả năm 2023. Về lợi nhuận, khối Công nghệ dự kiến đóng góp 5,195 tỷ đồng lãi trước thuế, tăng 25%, khối Viễn thông đem về 3,508 tỷ đồng trong khi lãi trước thuế khối Giáo dục, đầu tư và khác dự kiến đạt 2,172 tỷ đồng (tăng 9%).

ĐHĐCĐ Bảo hiểm Quân đội (MIG) thông qua chia cổ tức 10% bằng tiền mặt

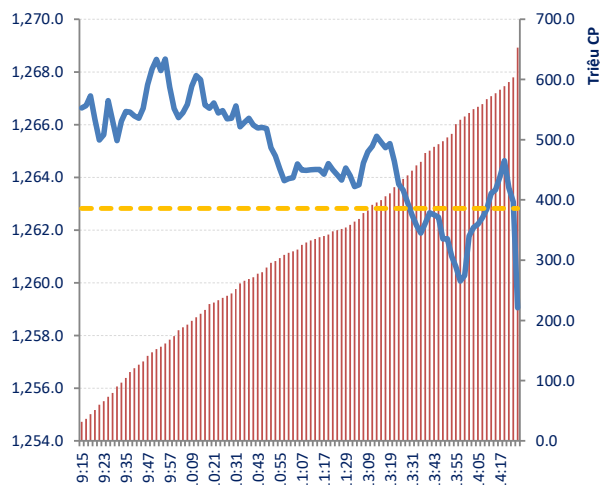
Đại hội đồng cổ đông Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội (MIC, mã MIG - sàn HOSE) diễn ra ngày 10/4 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt. Cụ thể, với lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty là 280 tỷ đồng, sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận còn lại là 249 tỷ đồng, cùng với lợi nhuận còn lại của các năm trước, MIC sẽ chi khoảng hơn 172 tỷ đồng để chia cổ tức. Ngoài ra, MIC sẽ triển khai tiếp phương án tăng vốn đã được trình tại đại hội năm 2023, với khối lượng dự kiến phát hành thêm 28 triệu cổ phiếu, để tăng vốn từ 1.726 tỷ đồng lên 2.014 tỷ đồng.

Viettel Construction (CTR) đặt kế hoạch doanh thu năm 2024 đạt 12.653 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với năm 2023

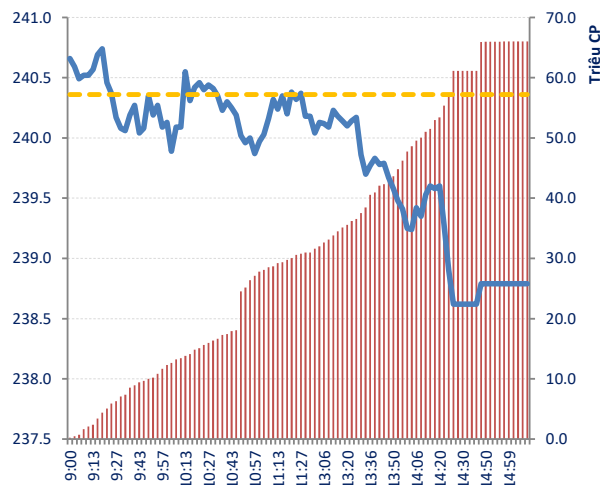
Tổng Công ty CP Công trình Viettel (Viettel Construction - mã chứng khoán CTR) vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024. Viettel Construction dự kiến sẽ trình cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh với doanh thu hợp nhất đạt 12.653 tỷ đồng (tăng trưởng 11% so với 2023), lợi nhuận trước thuế đạt 671,4 tỷ đồng (tăng trưởng 4,1% so với năm 2023). Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, Viettel Construction dự kiến chia cổ tức 10-20%. Còn năm 2023, Tổng công ty dự kiến thông qua cổ đông chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 27,2%.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

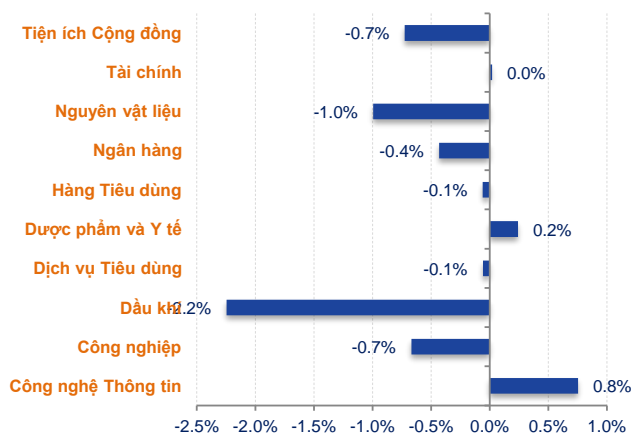
KLGD và VN-Index trong phiên



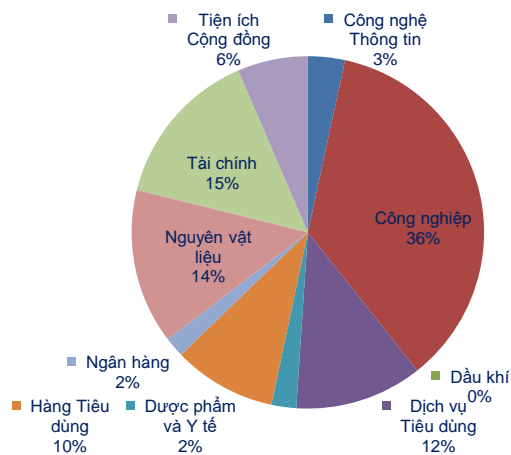
KLGD và HNX-Index trong phiên



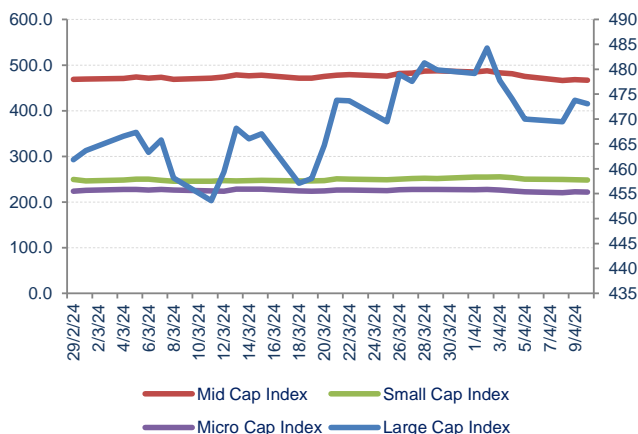
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



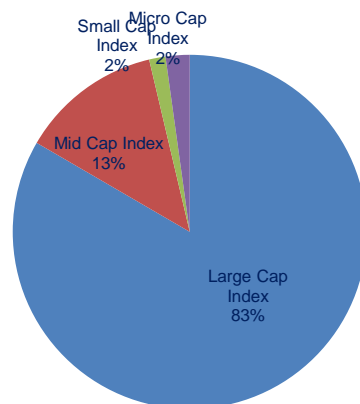
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBB	16,961,623	NVL	9,291,712	1	DTD	240,300	SHS	273,700
2	VIC	617,600	VHM	4,888,900	2	PVS	125,800	VC7	85,900
3	BAF	496,300	FUESSVFL	4,157,000	3	PVI	66,200	HUT	70,600
4	HCM	461,147	VPB	2,331,100	4	C69	21,800	MST	56,400
5	STB	403,600	PVD	1,923,338	5	CEO	21,000	TIG	55,450

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MBB	24.00	23.80	↓ -0.83%	40,152,300	SHS	20.20	19.80	↓ -1.98%	17,578,702
NVL	18.10	17.75	↓ -1.93%	38,896,200	PVS	42.40	41.50	↓ -2.12%	7,098,995
VPB	19.35	19.35	→ 0.00%	30,260,400	CEO	22.90	22.50	↓ -1.75%	6,774,444
VHM	43.20	44.20	↑ 2.31%	25,949,200	PVC	16.40	15.80	↓ -3.66%	3,478,328
HAG	13.15	13.40	↑ 1.90%	22,132,200	HUT	18.70	18.50	↓ -1.07%	2,615,450

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DC4	11.55	12.35	0.80	↑ 6.93%	DC2	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
HVX	3.05	3.26	0.21	↑ 6.89%	BPC	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
APC	6.40	6.84	0.44	↑ 6.87%	DHP	11.10	12.20	1.10	↑ 9.91%
DCL	24.00	25.65	1.65	↑ 6.87%	LDP	20.40	22.40	2.00	↑ 9.80%
DXV	4.97	5.31	0.34	↑ 6.84%	HHC	72.60	79.70	7.10	↑ 9.78%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSH	6.29	5.85	-0.44	↓ -7.00%	KHS	11.70	10.60	-1.10	↓ -9.40%
TDW	50.00	46.50	-3.50	↓ -7.00%	VTH	8.30	7.60	-0.70	↓ -8.43%
STG	49.40	45.95	-3.45	↓ -6.98%	HTC	24.60	22.60	-2.00	↓ -8.13%
SCD	13.05	12.30	-0.75	↓ -5.75%	TJC	15.00	13.80	-1.20	↓ -8.00%
CAV	76.30	72.90	-3.40	↓ -4.46%	VMS	30.50	28.20	-2.30	↓ -7.54%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	40,152,300	23.5%	3,962	6.1	1.3
NVL	38,896,200	1.3%	311	58.3	0.8
VPB	30,260,400	8.2%	1,433	13.5	1.1
VHM	25,949,200	20.2%	7,664	5.6	1.0
HAG	22,132,200	28.0%	1,794	7.3	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,578,702	5.7%	688	29.4	1.6
PVS	7,098,995	7.7%	2,148	19.7	1.5
CEO	6,774,444	3.0%	402	57.0	1.9
PVC	3,478,328	2.2%	337	48.6	1.3
HUT	2,615,450	0.6%	89	211.2	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	↑ 6.9%	16.6%	2,045	5.6	0.9
HVX	↑ 6.9%	-15.8%	(1,544)	-	0.3
APC	↑ 6.9%	-5.9%	(1,789)	-	0.2
DCL	↑ 6.9%	4.3%	845	28.4	1.2
DXV	↑ 6.8%	-7.8%	(842)	-	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DC2	↑ 10.0%	1.3%	135	44.5	0.6
BPC	↑ 10.0%	1.2%	271	33.2	0.4
DHP	↑ 9.9%	7.5%	1,344	8.3	0.6
LDP	↑ 9.8%	-19.6%	(1,583)	-	2.8
HHC	↑ 9.8%	8.6%	3,018	24.1	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	16,961,623	23.5%	3,962	6.1	1.3
VIC	617,600	1.5%	557	85.6	1.2
BAF	496,300	1.5%	187	143.3	2.0
HCM	461,147	8.3%	1,146	25.2	2.1
STB	403,600	18.3%	4,094	7.1	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DTD	240,300	19.9%	4,407	6.4	1.1
PVS	125,800	7.7%	2,148	19.7	1.5
PVI	66,200	0.6%	211	236.4	1.4
C69	21,800	1.2%	155	47.7	0.6
CEO	21,000	3.0%	402	57.0	1.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	527,051	22.0%	5,910	16.0	3.2
BID	300,413	18.9%	3,773	14.0	2.4
VHM	188,109	20.2%	7,664	5.6	1.0
CTG	183,922	17.0%	3,706	9.2	1.5
GAS	183,510	18.4%	5,053	15.8	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,266	7.7%	2,148	19.7	1.5
IDC	19,173	22.6%	4,223	13.8	3.1
HUT	16,690	0.6%	89	211.2	1.5
SHS	16,426	5.7%	688	29.4	1.6
THD	13,436	2.9%	458	76.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	2.40	-45.6%	(3,445)	-	0.7
KBC	2.19	10.7%	2,646	12.7	1.3
GEX	2.18	1.6%	388	61.6	1.0
VOS	2.12	9.7%	1,110	10.5	1.0
KSB	2.11	3.7%	952	26.5	1.1

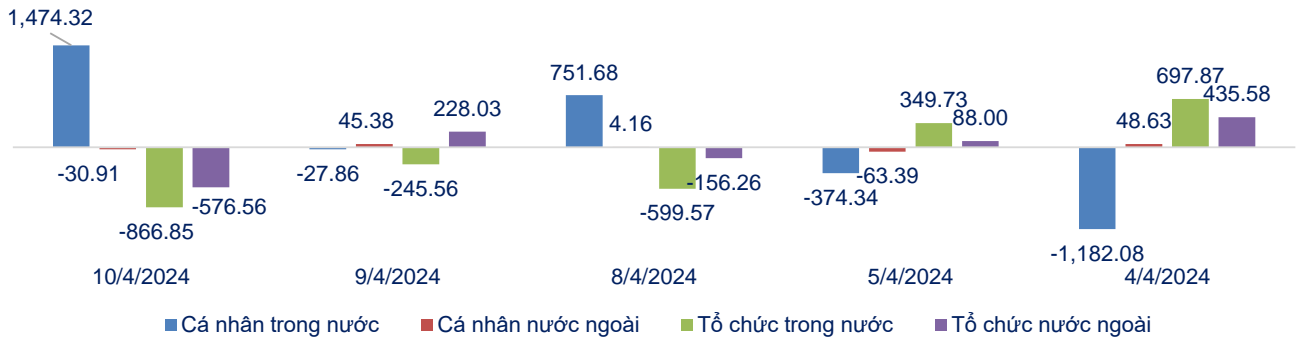
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.75	5.2%	733	18.4	1.2
NHC	2.70	-1.8%	(335)	-	1.9
SHS	2.62	5.7%	688	29.4	1.6
PLC	2.31	8.0%	1,261	26.1	2.0
EVS	2.30	1.7%	202	41.1	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	201.76	20.2%	7,664	5.6	1.0
NVL	182.98	1.3%	311	58.3	0.8
STB	112.61	18.3%	4,094	7.1	1.2
VNM	77.58	26.2%	4,248	15.8	4.0
HDB	70.06	23.6%	3,480	6.9	1.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	-55.93	1.9%	450	62.4	1.2
KDH	-44.52	5.2%	905	39.8	1.9
DGC	-36.58	27.1%	8,163	14.3	3.7
VIC	-19.78	1.5%	557	85.6	1.2
BAF	-15.42	1.5%	187	143.3	2.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	12.53	1.3%	311	58.3	0.8
PVD	2.31	4.0%	1,050	31.6	1.2
VHM	2.17	20.2%	7,664	5.6	1.0
HAG	1.73	28.0%	1,794	7.3	1.8
OCB	1.37	12.3%	1,608	9.1	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-54.38	23.5%	3,962	6.1	1.3
NT2	-1.12	10.6%	1,643	13.9	1.5
PC1	-0.85	1.9%	450	62.4	1.2
FUEKIV30	-0.79	N/A	N/A	N/A	N/A
VHC	-0.44	11.3%	4,153	17.9	1.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	85.42	N/A	N/A	N/A	N/A
PC1	57.09	1.9%	450	62.4	1.2
KDH	35.50	5.2%	905	39.8	1.9
FUEVFNVD	31.75	N/A	N/A	N/A	N/A
ASM	18.99	2.5%	580	22.4	0.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-442.75	23.5%	3,962	6.1	1.3
STB	-124.47	18.3%	4,094	7.1	1.2
HDB	-60.54	23.6%	3,480	6.9	1.5
TCB	-59.56	14.7%	5,118	8.9	1.2
FPT	-45.32	23.4%	5,101	22.2	4.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	482.13	23.5%	3,962	6.1	1.3
VIC	30.29	1.5%	557	85.6	1.2
DGC	28.39	27.1%	8,163	14.3	3.7
BID	14.35	18.9%	3,773	14.0	2.4
NTL	13.69	26.8%	5,971	7.2	1.8

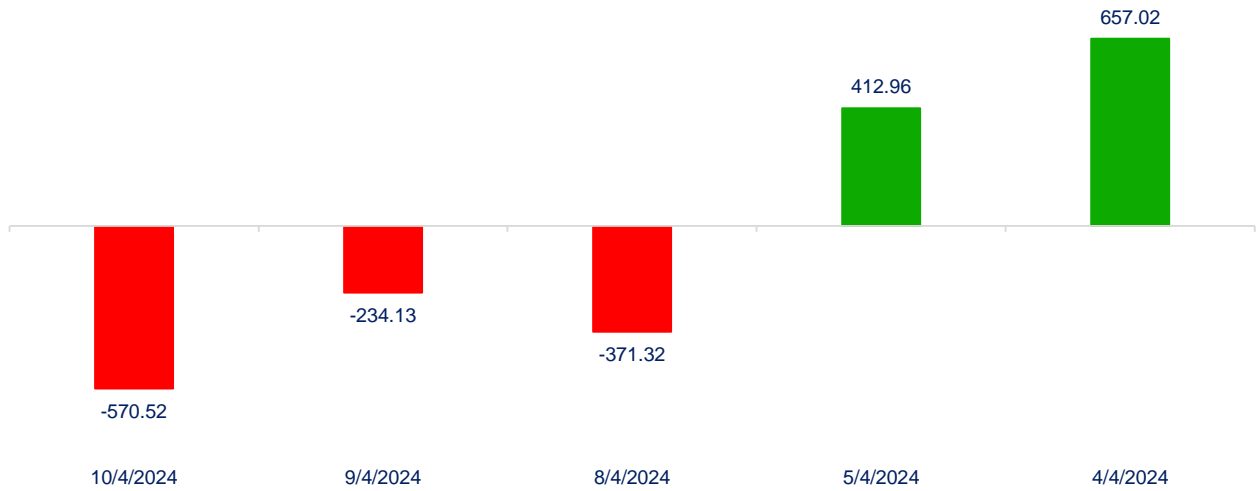
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-218.41	20.2%	7,664	5.6	1.0
NVL	-180.91	1.3%	311	58.3	0.8
FUESSVFL	-85.89	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	-66.45	26.2%	4,248	15.8	4.0
PVD	-65.30	4.0%	1,050	31.6	1.2

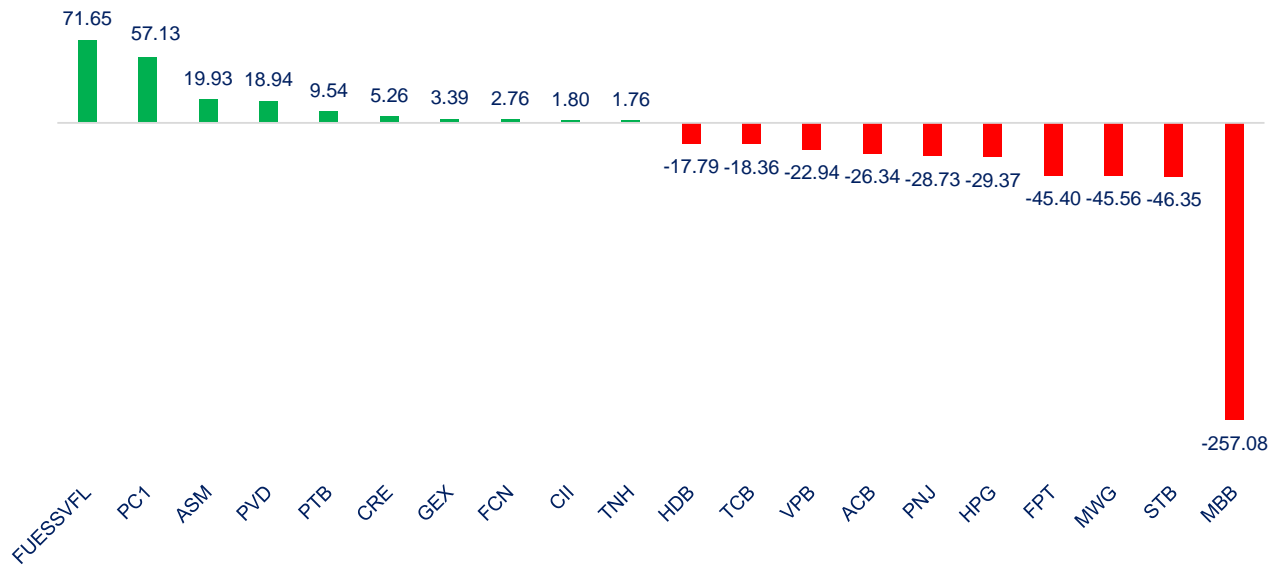


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn